

TÌNH HÌNH XNK CỦA SINGAPORE THÁNG 3 VÀ 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

1.1 Tổng quan:

Trong tháng 3/2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) của Singapore với thế giới đạt hơn 108,6 tỷ SGD, giảm 1,85% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó xuất khẩu (XK) đạt hơn 57 tỷ SGD, giảm 3,41% và nhập khẩu (NK) hơn 51,5 tỷ SGD, giảm 0,06%.

Trong kim ngạch hàng XK, hàng hoá có xuất xứ từ Singapore đạt hơn 24,1 tỷ SGD (giảm 12,53%) và hàng hoá có xuất xứ từ nước thứ 3 đạt hơn 32,95 tỷ SGD (tăng 4,57%), chiếm lần lượt 42,24% và 57,76% tổng kim ngạch XK của Singapore.

Bảng 1: Thống kê tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Singapore với Thế giới trong tháng 3 năm 2024

(Đơn vị: nghìn SGD, %)

STT	Kim ngạch	T3/2023	T3/2024	Tăng, giảm (%)
1	Xuất nhập khẩu	110,665,037	108,619,297	-1.85
2	Xuất khẩu	59,071,769	57,059,086	-3.41
3	Nhập khẩu	51,593,268	51,560,212	-0.06
4	+ Hàng có xuất xứ từ Singapore	27,554,869	24,102,582	-12.53
5	+ Hàng tái xuất đi nước thứ ba	31,516,900	32,956,504	4.57

Tính chung cả 3 tháng đầu năm 2024, kim ngạch XNK của Singapore với thế giới đạt hơn 312 tỷ SGD, tăng 4,84% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó XK hơn 165,94 tỷ SGD (tăng 4,45%) và NK gần 146,1 tỷ SGD (tăng 5,29%).

Bảng 2: Thống kê tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Singapore với Thế giới trong 3 tháng đầu năm 2024

(Đơn vị: nghìn SGD, %)

STT	Kim ngạch	3T/2023	3T/2024	Tăng, giảm (%)
1	Xuất nhập khẩu	297,604,239	312,007,603	4.84
2	Xuất khẩu	158,879,628	165,944,577	4.45
3	Nhập khẩu	138,724,612	146,063,026	5.29
4	+ Hàng có xuất xứ từ Singapore	72,190,060	72,403,751	0.30
5	+ Hàng tái xuất từ nước thứ ba	86,689,568	93,540,827	7.90

**1.2 Với 15 đối tác thương mại lớn (xét trong 3 tháng đầu năm 2024):**

**Bảng 3: Thống kê thương mại hai chiều của Singapore với 15 đối tác lớn nhất trong 3 tháng đầu năm 2024**

(Đơn vị: nghìn SGD, %)

STT	Đối tác	3T/2023	3T/2024	Tăng, giảm (%)
1	Trung Quốc	40,184,437	41,381,008	2.98
2	Malaysia	31,878,844	33,729,466	5.81
3	Mỹ	31,640,140	29,836,472	-5.70
4	Đài Loan	21,041,015	26,218,564	24.61
5	Hồng Kông	15,321,601	19,364,156	26.38
6	Indonesia	17,672,394	18,601,183	5.26
7	Hàn Quốc	15,040,812	17,477,780	16.20
8	Nhật Bản	14,320,343	12,268,028	-14.33
9	Thái Lan	10,196,745	11,304,197	10.86
10	<b>Việt Nam</b>	<b>7,399,861</b>	<b>7,711,716</b>	<b>4.21</b>
11	Ấn Độ	6,896,758	7,415,944	7.53
12	Australia	8,131,795	7,336,041	-9.79
13	UAE	5,109,413	6,107,257	19.53
14	Đức	6,502,834	5,640,328	-13.26
15	Pháp	6,180,147	5,602,071	-9.35

Trong 3 tháng đầu năm 2024 (so với cùng kỳ 2023), kim ngạch XNK giữa Singapore với phần lớn các đối tác lớn nhất (10/15 đối tác) tăng trưởng dương, một số đối tác có kim ngạch tăng mạnh như Đài Loan (tăng 24,61%); Hồng Kông (tăng 26,38%), UAE (tăng 19,53%)... Trung Quốc, Malaysia, Mỹ và Đài Loan là 4 đối tác thương mại lớn nhất của Singapore với tổng kim ngạch thương mại lần lượt là: 41,38 tỷ SGD, 33,73 tỷ SGD; 29,83 tỷ SGD và 26,22 tỷ SGD.

Sau 3 tháng đầu năm 2024, *Việt Nam tiếp tục giữ vị trí là đối tác thương mại lớn thứ 10 của Singapore*, với kim ngạch thương mại hai chiều hơn 7,7 tỷ SGD, tăng 4,21%.

**Về nhập khẩu:** Trong 3 tháng đầu năm 2024, các thị trường nhập khẩu chính của Singapore là Đài Loan, Trung Quốc, Malaysia, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản... Việt Nam hiện đứng thứ 18 trong số các đối tác nhập khẩu lớn nhất của Singapore. 10/20 đối tác nhập khẩu của Singapore có kim ngạch NK tăng trưởng dương, một số đối tác có mức tăng cao như Thụy Sĩ (61,75%), Nga (79,02%).... Đài Loan đã vươn lên là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch hơn 19,56 tỷ SGD, tăng 36,62%. Tiếp theo

sau là Trung Quốc (thứ 2) và Malaysia (thứ 3), với kim ngạch lần lượt là 17,56 tỷ SGD (giảm 10,43%) và 16,3 tỷ SGD (giảm 0,1%).

**Bảng 4: Thống kê nhập khẩu của Singapore với các đối tác lớn nhất  
trong 3 tháng đầu năm 2024**

(Đơn vị: nghìn SGD, %)

STT	Đối tác	3T/2023	3T/2024	Tăng, giảm (%)
1	Đài Loan	14,320,116	19,564,699	36.62
2	Trung Quốc	19,602,748	17,557,992	-10.43
3	Malaysia	16,327,701	16,310,905	-0.10
4	Mỹ	16,189,676	16,140,341	-0.30
5	Hàn Quốc	8,339,790	10,315,379	23.69
6	Nhật Bản	7,614,223	6,827,063	-10.34
7	Indonesia	5,556,329	5,016,303	-9.72
8	Pháp	4,949,891	4,504,166	-9.00
9	UAE	3,293,168	4,266,281	29.55
10	Thụy sỹ	2,556,295	4,134,702	61.75
11	Thái Lan	3,969,896	3,478,538	-12.38
12	Đức	3,377,736	3,124,034	-7.51
13	Anh	2,649,110	3,061,969	15.58
14	Ấn Độ	2,276,677	2,828,591	24.24
15	Australia	2,742,193	2,766,454	0.88
16	Saudi Arabia	2,472,318	2,326,852	-5.88
17	Qatar	1,839,346	1,889,204	2.71
18	<b>Việt Nam</b>	<b>1,590,634</b>	<b>1,832,799</b>	<b>15.22</b>
19	Nga	1,006,805	1,802,385	79.02
20	Brazil	1,869,184	1,798,395	-3.79

**Về xuất khẩu:** Trong 3 tháng đầu năm 2024, các thị trường xuất khẩu chính của Singapore là Trung Quốc, Hồng Kông, Malaysia, Mỹ, Indonesia, Thái Lan, Hàn Quốc,... *Việt Nam là thị trường xuất khẩu thứ 9 của Singapore.* Các thị trường xuất khẩu hàng đầu là Trung Quốc, Hồng Kông, Malaysia lần lượt đạt kim ngạch 23,82 tỷ SGD (tăng 15,75%), 18,4 tỷ SGD (tăng 26,76%), và 17,41 tỷ SGD (tăng 12,01%).

**Bảng 5: Thống kê xuất khẩu của Singapore với 20 đối tác lớn nhất trong 3 tháng đầu năm 2024**

(Đơn vị: nghìn SGD, %)

STT	Đối tác	3T/2023	3T/2024	Tăng, giảm (%)
1	Trung Quốc	20,581,690	23,823,015	15.75
2	Hồng Kông	14,499,675	18,380,143	26.76
3	Malaysia	15,551,143	17,418,561	12.01
4	Mỹ	15,450,464	13,696,131	-11.35
5	Indonesia	12,116,065	13,584,880	12.12
6	Thái Lan	6,226,850	7,825,659	25.68
7	Hàn Quốc	6,701,022	7,162,401	6.89
8	Đài Loan	6,720,899	6,653,865	-1.00
<b>9</b>	<b>Việt Nam</b>	<b>5,809,227</b>	<b>5,878,917</b>	<b>1.20</b>
10	Nhật Bản	6,706,119	5,440,965	-18.87
11	Ấn Độ	4,620,082	4,587,353	-0.71
12	Australia	5,389,602	4,569,587	-15.21
13	Philippines	3,466,538	3,013,298	-13.07
14	Hà Lan	2,884,854	2,797,433	-3.03
15	Đức	3,125,098	2,516,295	-19.48
18	Liberia	1,735,455	2,147,294	23.73
16	Campuchia	700,236	2,097,103	199.49
17	Panama	1,728,267	1,934,017	11.90
19	Quần đảo Marshall	1,565,550	1,883,253	20.29
20	UAE	1,816,244	1,840,976	1.36

**2. Phân tích cán cân XNK Việt Nam – Singapore:**

**Về tổng quan,** trong tháng 3/2024, tổng kim ngạch XNK giữa Việt Nam và Singapore đạt hơn 2,54 tỷ SGD, tăng 4,29% so với cùng kỳ năm 2023, XK từ Việt Nam sang Singapore tiếp tục giữ được mức tăng trưởng dương khá tốt (tăng 7,69%) đạt 603,3 triệu SGD, kim ngạch NK cũng tăng 3,27%, đạt hơn 1,93 tỷ SGD.

Trong cơ cấu hàng hoá từ Singapore xuất sang Việt Nam, hàng hoá có xuất xứ Singapore tăng mạnh ở mức 15,96%, đạt hơn 673 triệu SGD; trong khi hàng hoá từ nước 3 qua Singapore xuất sang Việt Nam (chiếm 65% kim ngạch XK) giảm nhẹ ở mức 2,41% đạt hơn 1,26 tỷ SGD. Mặc dù mức thâm

hụt giữa NK và XK ước hơn 1,33 tỷ SGD song nếu chỉ tính riêng cán cân thương mại giữa hàng hóa Việt Nam và hàng hóa có xuất xứ Singapore thì Việt Nam nhập siêu khoảng gần 70,1 triệu SGD.

Lũy kế 3 tháng đầu năm 2024, kim ngạch XNK hai chiều giữa Việt Nam và Singapore đạt hơn 7,71 tỷ SGD, tăng 4,21 % so với cùng kỳ năm 2023, trong đó XK tăng mạnh ở mức 15,22%, đạt hơn 1,83 tỷ SGD và NK gần 5,89 tỷ SGD, tăng 1,2%.

Xét về xuất xứ hàng hóa, thì hàng tạm nhập tái xuất qua Singapore vào Việt Nam chiếm 70,85% tổng kim ngạch hàng XK từ Singapore vào Việt Nam, tương đương 4,1 tỷ SGD. Trong khi đó, nếu tính riêng hàng hóa có xuất xứ từ Singapore, thì Việt Nam xuất siêu khoảng 119,21 triệu SGD.

**Bảng 6: Thống kê tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Singapore trong tháng 3 năm 2024**

(Đơn vị tính: nghìn SGD, %)

STT	Kim ngạch	T3/2023	T3/2024	Tăng, giảm (%)
1	Xuất nhập khẩu	2,436,781	2,541,308	4.29
2	Xuất khẩu	560,249	603,352	7.69
3	Nhập khẩu	1,876,532	1,937,956	3.27
4	+ Hàng có xuất xứ từ Singapore	580,744	673,448	15.96
5	+ Hàng tái xuất từ nước thứ ba	1,295,788	1,264,508	-2.41

**Bảng 7: Thống kê tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Singapore trong 3 tháng đầu năm 2024**

(Đơn vị tính: nghìn SGD, %)

STT	Kim ngạch	3T/2023	3T/2024	Tăng, giảm (%)
1	Xuất nhập khẩu	7,399,861	7,711,716	4.21
2	Xuất khẩu	1,590,634	1,832,799	15.22
3	Nhập khẩu	5,809,227	5,878,917	1.20
4	+ Hàng có xuất xứ từ Singapore	1,655,846	1,713,591	3.49
5	+ Hàng tái xuất từ nước thứ ba	4,153,381	4,165,327	0.29

**Về nhóm ngành hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang Singapore**

Trong số 3 nhóm hàng XK chủ lực của Việt Nam sang Singapore, chỉ có nhóm Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại tăng trưởng ở mức tốt (tăng 25,14 %); 2 nhóm còn lại đều sụt giảm kim ngạch, cụ thể Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (giảm 8,25%); Xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (giảm 18,79%). Một số nhóm ngành XK khác có mức tăng trưởng rất mạnh như Dầu thực động vật, chất béo (tăng gần 500 lần), Gạo và ngũ cốc (tăng gần 2 lần), Sắt thép (tăng hơn 1,8 lần)... Ở chiều ngược lại, một số nhóm có

mức sụt giảm khá mạnh là Muối; lưu huỳnh; đất & đá; thạch cao, vôi & xi măng (giảm 33,64%); Gỗ và các sản phẩm đồ gỗ (giảm 35,65%)...

**Bảng 7a: Thống kê kim ngạch những mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Singapore trong tháng 3 năm 2024**

(Đơn vị tính: nghìn SGD, %)

STT	Mặt hàng	T3/2023	T3/2024	Tăng, giảm (%)
1	Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại (HS 85)	213,411	267,053	25.14
2	Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (HS 84)	112,888	103,578	-8.25
3	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (HS 70)	63,843	51,848	-18.79
4	Xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (HS 27)	20,119	21,356	6.15
5	Gạo và ngũ cốc (HS 10)	6,942	20,812	199.80
6	Giày dép các loại (HS 64)	17,756	17,355	-2.26
7	Muối; lưu huỳnh; đất & đá; thạch cao, vôi & xi măng (HS 25)	17,129	11,366	-33.64
8	Quần áo may mặc (HS 61)	9,770	9,113	-6.72
9	Quần áo may mặc không thuộc hàng dệt kim (HS 62)	7,129	8,658	21.45
10	Thủy sản (HS 03)	8,784	8,325	-5.23
11	Dầu thực động vật, chất béo (HS 15)	16	8,001	49906.25
12	Máy quang học, dụng cụ đo lường, thiết bị y tế, đồng hồ, nhạc cụ và phụ kiện các loại (HS 90)	4,526	5,569	23.04
13	Thuốc lá và các sản phẩm thay thế thuốc lá (HS 24)	3,205	5,455	70.20
14	Da, các sản phẩm từ da và túi du lịch các loại (HS 42)	5,036	4,239	-15.83
15	Giấy và các sản phẩm từ giấy (HS 48)	4,905	4,003	-18.39
16	Sắt thép (HS 72)	1,284	3,664	185.36
17	Đồ nội thất và các sản phẩm liên quan khác (HS 94)	4,397	3,585	-18.47
18	Rượu và đồ uống (HS 22)	2,128	3,320	56.02
19	Nhựa và các sản phẩm từ nhựa (HS 39)	3,208	3,308	3.12

STT	Mặt hàng	T3/2023	T3/2024	Tăng, giảm (%)
20	Thuốc nhuộm, sơn, mực màu các loại (HS 32)	3,197	2,997	-6.26
21	Gỗ và các sản phẩm đồ gỗ (HS 44)	4,516	2,906	-35.65

***Về nhóm ngành hàng nhập khẩu từ Singapore vào Việt Nam:***

12/21 nhóm ngành hàng có kim ngạch NK âm trong đó nhóm Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên tiếp tục giảm mạnh (giảm 46%); 2/3 nhóm NK chủ lực còn lại tăng so với cùng kỳ là Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại (tăng 4,84%) và Xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (tăng 46,72%). Một số nhóm khác cũng có mức tăng rất mạnh như: Kẽm và sản phẩm từ kẽm (tăng 4,18 lần); Ngọc trai, đá quý, và các sản phẩm kim hoàn (tăng 16 lần)...

**Bảng 7b: Thống kê kim ngạch những mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Singapore trong tháng 3 năm 2024**

STT	Mặt hàng	T3/2023	T3/2024	Tăng, giảm (%)
1	Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại (HS 85)	804,551	843,472	4.84
2	Xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (HS 27)	275,752	404,579	46.72
3	Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (HS 84)	196,587	106,147	-46.01
4	Nhựa và các sản phẩm từ nhựa (HS 39)	95,763	81,728	-14.66
5	Ngọc trai, đá quý, và các sản phẩm kim hoàn (HS 71)	3,581	61,370	1613.77
6	Nước hoa, mỹ phẩm (HS 33)	70,417	57,720	-18.03
7	Thức ăn và các sản phẩm chế biến (HS 21)	42,456	44,403	4.59
8	Máy quang học, dụng cụ đo lường, thiết bị y tế, đồng hồ, nhạc cụ và phụ kiện các loại (HS 90)	42,673	36,722	-13.95
9	Hóa chất (HS 29)	33,468	34,679	3.62
10	Rượu và đồ uống (HS 22)	36,888	29,532	-19.94
11	Các sản phẩm từ hóa chất (HS 38)	25,165	23,430	-6.89
12	Thuốc lá và các sản phẩm thay thế thuốc lá (HS 24)	24,065	21,896	-9.01
13	Phương tiện tàu bay, tàu vũ trụ & các bộ phận (HS 88)	18,904	17,532	-7.26
14	Bưu phẩm (HS 98)	17,592	15,465	-12.09
15	Dược phẩm (HS 30)	9,254	15,191	64.16
16	Giấy và các sản phẩm từ giấy (HS 48)	18,236	12,439	-31.79

STT	Mặt hàng	T3/2023	T3/2024	Tăng, giảm (%)
17	Đồng hồ, đồng hồ cá nhân và các bộ phận (HS 91)	11,712	11,589	-1.05
18	Giày dép các loại (HS 64)	8,792	8,846	0.61
19	Xe cộ và các thiết bị vận tải ngoại trừ xe chạy trên đường ray (HS 87)	10,909	8,438	-22.65
20	Kẽm và sản phẩm từ kẽm (HS 79)	1,609	8,338	418.21
21	Sữa và các chế phẩm từ ngũ cốc (HS 19)	7,120	7,584	6.52

### 3. Phân tích, đánh giá:

Tình hình thương mại trong tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2024 của Singapore với thế giới không còn giữ được tín hiệu phục hồi khá tích cực như các tháng trước khi các chỉ tiêu tổng kim ngạch 2 chiều và kim ngạch XK, NK đều giảm (lần lượt là 1,85%, 3,41% và 0,06%).

Kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Singapore trong tháng 3/2024 tiếp tục thể hiện tín hiệu tích cực, đặc biệt là chiều xuất khẩu sang Singapore vẫn giữ được mức tăng tốt (tăng 7,69%). Đáng chú ý là mức tăng rất mạnh của nhóm hàng gạo, ngũ cốc (tăng gần 2 lần) đưa mặt hàng Gạo Việt Nam lần đầu tiên chiếm lĩnh thị phần lớn nhất tại Singapore.

Để hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam tốt hơn, trong thời gian tới, Thương vụ sẽ tiếp tục cập nhật tình hình, cơ chế, chính sách của địa bàn; hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam kết nối giao thương, trưng bày hàng hóa, quảng bá thương hiệu doanh nghiệp và thương hiệu sản phẩm, tăng sự hiện diện của hàng hóa Việt Nam tại địa bàn; hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa vào thị trường Singapore; hỗ trợ các đoàn doanh nghiệp Singapore vào Việt Nam tìm kiếm nguồn hàng, xúc tiến đầu tư công nghiệp, thương mại và dịch vụ vào Việt Nam.